TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 15-5-2018
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Ông Ngô Hoài Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 15 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc: "Tranh chấp thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST – DS ngày 17/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1934; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1953; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.2. Bà Võ Thị B, sinh năm 1956; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.3. Bà Võ Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.4. Ông Võ Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.5. Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1964; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.6. Bà Võ Thị Ngọc S, sinh năm 1968; địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.7. Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1970; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.8. Bà Võ Thị Ngọc B, sinh năm 1975; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.9. Bà Võ Thị Kim B, sinh năm 1979; địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3.10. Ông Lê Văn B, sinh năm 1962; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

3.11. Chị Võ Ngọc N, sinh năm 1981; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

3.12. Anh Lê Thành T, sinh năm 1993; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

3.13. Chị Trần Thị Yến A, sinh năm 2001; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Yến A là bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1970; địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (mẹ ruột), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Văn H là vợ chồng sống chung từ trước năm 1953, ông H và bà H có 10 người con gồm: Ông Võ Văn T, bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B và bà Võ Thị Kim B. Sinh thời ông H, bà H tạo lập được khối tài sản chung gồm phần đất có diện tích 5.974,5m^2 được UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M718132, vào sổ cấp giấy chứng nhận 00918QSDĐ/TA ngày 14/7/1998 cho ông Võ Văn H , đất tọa lạc tại xã T (nay là phường T), thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc các thửa 146,147,177 và 207 tờ bản đồ số 11 và thửa số 234 tờ bản đồ số 12, trên đất Thuộc thửa 234 có ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 100m^2 hiện bà H đang quản lý sử dụng và 02 ngôi nhà cấp 4 khác diện tích khoảng 60m^2 hiện do bà Võ Thị Ngọc Y và bà Võ Thị T đang quản lý sử dụng.

Ngày 27/3/2012, ông H chết không để lại di chúc, phần đất nói trên do bà Đỗ Thị H trực tiếp quản lý sử dụng. Do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản thừa kế của ông H nên bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế

tài sản của ông H theo pháp luật cụ thể: ½ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng bà H, ông H là 2.987,25m^2 sẽ T phần bà H. Đối với ½ giá trị còn lại của điện tích đất 5.974,5m^2:2 = 2.987,25m^2 sẽ chia thành 11 phần trong đó các con mỗi người một phần, bà H một phần. Bà Đỗ Thị H yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khai sinh các con, chứng minh nhân dân, hộ khẩu các con, giấy chứng tử ông Võ Văn H , tờ tường trình quan hệ nhân thân.

Qua hòa giải vào ngày 16/6/2017 và ngày 12/3/2018 bị đơn ông Võ Văn H trình bày: Thống nhất về quan hệ huyết thống, về tài sản do ông H chết để lại. Tuy nhiên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H, ông yêu cầu được nhận nhà cấp 4 hiện bà H đang quản lý sử dụng. Đối với phần đất lúa, ông yêu cầu được chia theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Kim B thống nhất về quan hệ huyết thống như bà H trình bày, đồng thời thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý việc chia tài sản thừa kế theo quy định pháp luật. Bà B, bà T, ông H, bà T, bà S, bà Y, bà B, bà B yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T thống nhất quan hệ huyết thống cũng như yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, ông T từ chối nhận di sản và đồng ý để toàn bộ phần thừa kế của ông cho những người thừa kế của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ phần đất thể hiện: Phần đất thứ nhất T các thửa số 146,147,177 và 207 tờ bản đồ số 11 có diện tích đo đạc thực tế 11.268,6m^2 (trong đó 3.774,2m^2 HLBV rạch) hiện trạng là đất trống. Phần đất thứ 2 thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12 có diện tích đo đạc thực tế 1.398,3m^2. Trên phần đất thứ 2 có 03 căn nhà cấp 4, cụ thể: Căn nhà thứ nhất có diện tích 62,6m^2 hiện do bà Võ Thị T cùng chồng là ông (Lê Văn B, con là Võ Ngọc N, Lê Thành T) đang cùng quản lý sử dụng. Căn nhà thứ hai có diện tích 100,4m^2 hiện do bà Đỗ Thị H đang quản lý sử dụng. Căn nhà thứ 3 có diện tích 53,1m^2 hiện do bà Võ Thị Ngọc Y cùng con là Trần Thị Yến A đang quản lý sử dụng. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp còn có các tài sản khác như: 07 (bảy) cây Xoài, 03 (ba) cây Mít, 01 (môt) cây Tràm, 01 (một) cây Mận, 02 (hai) cây Cau kiểng, 03 (ba) cây Cau ăn trái, 01 (một) bụi Tre khoảng 10 cây.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B, Võ Ngọc N, Lê Thành T không có văn bản trình bày ý kiến về tranh chấp giữa bà H và ông H. ông B, bà N, ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Bà H yêu cầu chia ½ quyền sử dụng đất (tính theo đo đạc thực tế) và phần di sản bà H được chia của ông H trong số ½ diện tích đất còn lại.

Bị đơn ông Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị B, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc B yêu cầu chia thừa kế và đề nghị được nhận bằng tiền.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Riêng bà Võ Thị T, bà Võ Thị Ngọc Y và bà Võ Thị Kim B yêu cầu chia thừa kế và đề nghị được nhận phần đất thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Võ Văn H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 25/4/2017, bà Đỗ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản là: Căn nhà và quyền sử dụng diện tích đất 5.974,5m^2 (đo đạc thực tế 12.666,9m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư và 3.774,2m^2 HLBV rạch, còn lại 8.592,7m^2 là đất trồng lúa)) tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó xác định đây là vụ án "Tranh chấp thừa kế tài sản" theo quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án T thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B, chị Võ Ngọc N anh Lê Thành T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông B, bà N và ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Các vấn đề có tranh chấp: Ông Võ Văn H, sinh năm 1927, chết ngày 27/3/2012 và bà Đỗ Thị H là vợ chồng chung sống từ năm 1953. Ông H bà H có 10 người con chung gồm: Ông Võ Văn T, bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B và bà Võ Thị Kim B. Cha mẹ của ông Võ Văn H là ông Võ Văn C và Phạm

Thị P cũng đã chết từ lâu (không có giấy chứng tử). Ngoài ra, ông H không có con riêng, không có con nuôi. Như vậy, tại thời điểm mở thừa kế thì hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm có 11 người bao gồm bà H và những người con chung như trên.

[4.1] Về tài sản thừa kế: Quá trình chung sống ông H , bà H có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 5.974,5m^2 (đo đạc thực tế 12.666,9m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư và 3.774,2m^2 HLBV rạch, còn lại 8.592,7m^2 là đất trồng lúa)) tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đất thuộc các thửa đất số 146,147,177, 207 tờ bản đồ số 11 và thửa số 234, tờ bản đồ số 12, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 718132 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00918/QSDĐ/TA) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 14/7/1998 mang tên ông Võ Văn H . Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đủ cơ sở khẳng định quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của ông Võ Văn H và bà Đỗ Thị H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và đây là khối tài sản chung T sở hữu chung hợp nhất. Năm 2012 ông H chết không để lại di chúc, ông H chưa định đoạt khối tài sản này. Do đó quyền sử dụng đất này sẽ được chia như sau: Diện tích đất 12.666,9m^2 (bao gồm 300m^2 đất thổ cư + 12.366,9m^2 đất trồng lúa (trong đó có 3.774,2m^2 HLBV rạch) và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 100,4m^2) : 2 = 6.333,45m^2 (bao gồm 150m^2 đất thổ cư + 6.183,4m^2 đất trồng lúa (trong đó có 1.887,1m^2 HLBV rạch) và 50,2m^2 nhà) thuộc quyền sử dụng của bà Đỗ Thị H.

Phần di sản thừa kế của ông H là 6.333,45m^2 (bao gồm 150m^2 đất thổ cư + 6.183,4m^2 đất trồng lúa (trong đó có 1.887,1m^2 HLBV rạch) và 50,2m^2 nhà). Ngày 25/4/2017 bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông H cho những người thừa kế theo pháp luật là phù hợp quy định tại các Điều 609, 612, 649, 651 của Bộ luật dân sự. Phần di sản của ông H sẽ được chia đều cho hàng thừa kế gồm: bà H, ông Võ Văn T, bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Kim B, mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau. Tại phiên tòa ông T từ chối nhận kỷ phần thừa kế được chia và tự nguyện tặng cho lại cho các đồng thừa kế khác. Do đó phần của ông T sẽ được chia cho 10 người còn lại gồm: bà H, bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Kim B.

[4.2] Căn cứ biên bản định giá xác định toàn bộ phần tài sản của ông H và bà H như sau:

Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12 có diện tích 1.398m^2 gồm: 300m^2 thổ cư x 3.000.000đồng/m^2 = 900.000.000đồng; 1.098m^2 x 1.500.000đồng/m^2 = 1.647.000.000đồng;

Thửa đất số 146,147,177 và 207 tờ bản đồ số 11 có diện tích 11.269m^2 x 300.000đồng/m^2 = 3.380.700.000đồng;

Nhà cấp 4 có giá 2.350.000đồng/m^2 x 100,4m^2 x 70% = 165.158.000đồng;

Xoài giá 330.000đồng/ cây x 01 cây = 330.000đồng;

Mít giá 170.000đồng/ cây x 01 cây = 170.000đồng;

Mận giá 160.000đồng/ cây x 01 cây = 160.000đồng;

Tràm giá 70.000đồng/ cây x 01 cây = 70.000đồng;

Cau (kiểng + ăn trái) giá 120.000đồng/ cây x 05 cây = 600.000đồng;

Tre giá 20.000đồng/ cây x 10 cây = 200.000đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản của ông H bà H là 6.094.388.000 đồng. Do ½ giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bà H nên ½ giá trị tài sản còn lại sẽ T về di sản của ông H , cụ thể: 6.094.388.000 đồng : 2 = 3.047.194.000 đồng.

Do ông T từ chối nhận di sản thừa kế nên phần di sản của ông H sẽ được chia cho những người sau: Bà Đỗ Thị H, bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Kim B, cụ thể kỷ phần mỗi người được hưởng là: 3.047.194.000 đồng :10 = 304.718.400 đồng. Bà H được nhận tổng cộng là 3.047.194.000 đồng + 304.718.400 đồng = 3.351.913.400 đồng.

[4.3] Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Ngoài căn nhà của bà H ông H, trên thửa đất số 234 còn có căn nhà của bà Võ Thị T và bà Võ Thị Ngọc Y, bà T và bà Y yêu cầu được chia phần đất gắn liền nhà để tiếp tục quản lý sử dụng. Xét bà T, bà Y đã có nhà và sinh sống ổn định từ năm 2000, khi ông H còn sống cũng không phản đối. Do đó yêu cầu của bà Y và bà T về việc được phân chia phần đất gắn liền với nhà đang sinh sống là có cơ sở. Ngoài ra, bà B có nguyện vọng được chia phần đất thuộc thửa 234 để xây dựng nhà ở. Xét, bà B hiện chưa có nhà ở ổn định, cần xem xét chia cho bà B phần đất thuộc thửa số 234 để quản lý sử dụng. Đối với bị đơn ông Võ Văn H yêu cầu được nhận nhà để sinh sống. Tuy nhiên, căn nhà hiện do bà H đang trực tiếp quản lý sử dụng và bà H là người được hưởng ½ khối tài sản chung vợ chồng. Vì vậy yêu cầu của ông H về việc nhận nhà để sinh sống là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy kỷ phần thừa kế của ông H sẽ được xem xét chia giá trị như những kỷ phần thừa kế còn lại. Về kỷ phần thừa kế của mỗi người được hưởng của ông H sẽ là 304.718.400 đồng. Do bà B, bà Y, bà T được chia phần đất tại thửa 234 tờ bản đồ số 12. Do đó diện tích mỗi người được chia tương đương giá trị tiền là 304.718.400 đồng, cụ thể:

Bà Võ Thị T được chia phần đất diện tích 205,2m^2 (trong đó có 62,6m^2 đất thổ cư và 132,6m^2 đất lúa), gắn liền căn nhà cấp 4 diện tích 62,6m^2 thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, có giá trị tương đương 386.700.000 đồng. Tuy nhiên, kỷ phần bà T được hưởng là 304.718.400 đồng. Do đó bà T phải có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chệnh lệch được hưởng cho bà H là 386.700.000 đồng - 304.718.400 đồng = 81.981.600 đồng.

Bà Võ Thị Ngọc Y được chia phần đất diện tích 156,7m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư và 96,7m^2 đất lúa), gắn liền căn nhà cấp 4 diện tích 53,1m^2 Thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, có giá trị tương đương 323.050.000 đồng. Tuy nhiên, kỷ phần bà Y được hưởng là 304.718.400 đồng. Do đó bà Y phải có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chệnh lệch được hưởng cho bà H là 323.050.000 đồng - 304.718.400 đồng = 20.321.600 đồng.

Bà Võ Thị Kim B được chia phần đất diện tích 407,7m^2 (trong đó có 27,4m^2 đất thổ cư và 380,3m^2 đất lúa) thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, có giá trị tương đương 652.650.000 đồng. Tuy nhiên, kỷ phần bà B được hưởng là 304.718.400 đồng. Do đó bà B phải có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chệnh lệch được hưởng cho bà H là 652.650.000 đồng - 304.718.400 đồng = 345.450.000 đồng.

Ngoài ra bà T, bà H, bà Y, bà B còn được sử dụng chung phần đất có diện tích 167m^2 thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12 để làm lối đi.

Đối với người thừa kế là ông H có nguyện vọng nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên, phần đất lúa thuộc các thửa 146,147,177 và 207 tờ bản đồ số 11 hiện do bà H đang trực tiếp quản lý sử dụng và bà H cũng là người trực tiếp quản lý sử dụng căn nhà. Vì vậy, cần giao cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng phần đất lúa cũng như căn nhà cấp 4 gắn liền một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12 tại phường T và bà H có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông H, bà B, bà S, bà T, bà B, ông H mỗi người là 304.718.400 đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông T, N, B, Yến A là người chung sống cùng bà T, bà Y. Do không có yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí trên cơ sở tài sản thừa kế được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà Đỗ Thị H và bà Võ Thị B, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà Đỗ Thị H và bà Võ Thị B thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Về chi phí đo đạc – định giá: Tổng cộng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) do bà H đã nộp tạm ứng trước đây sẽ được chia đều cho những người thừa kế. Các ông (bà) Võ Thị B, bà Võ Thị T, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Kim B có trách nhiệm trả lại cho bà H theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 631, 633, 634, 635, 645 và 685 của Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản" đối với bị đơn ông Võ Văn H.

1.1. Bà Đỗ Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 11.730,1m^2 (trong đó gồm: 150m^2 thổ cư và 11.580,1m^2 đất lúa (có 3.774,2m HLBV rạch)) Thuộc thửa 146,147,177,207 tờ bản đồ số 11 và một phần thửa 234 tờ bản đồ

số 12 trên đất có căn nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây trồng trên đất, phần đất tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng toàn bộ tài sản có trên đất (ký hiệu A).

1.2. Bà Võ Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 205,2m^2 (trong đó có 62,6m^2 đất thổ cư và 132,6m^2 đất lúa), gắn liền căn nhà cấp 4 diện tích 62,6m^2 Thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B).

1.3. Bà Võ Thị Ngọc Y được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 156,7m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư và 96,7m^2 đất lúa), gắn liền căn nhà cấp 4 diện tích 53,1m^2 Thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (ký hiệu C).

1.4. Bà Võ Thị Kim B được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 407,7m^2 (trong đó có 27,4m^2 đất thổ cư và 380,3m^2 đất lúa) Thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (ký hiệu D).

1.5. Bà Võ Thị T, bà Đỗ Thị H, bà Võ Thị Ngọc Y, bà Võ Thị Kim B còn được sử dụng chung phần đất có diện tích 167m^2 Thuộc thửa 234 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để làm lối đi (ký hiệu E).

Bà Đỗ Thị H, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Ngọc Y, bà Võ Thị Kim B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đất trên theo quy định.

2. Về trách nhiệm thanh toán:

2.1. Bà Võ Thị T có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chệnh lệch được hưởng cho bà Đỗ Thị H là 81.981.600 đồng.

2.2. Bà Võ Thị Ngọc Y có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chệnh lệch được hưởng cho bà Đỗ Thị H là 20.321.600 đồng.

2.3. Bà Võ Thị Kim B trách nhiệm thanh toán phần giá trị chệnh lệch được hưởng cho bà Đỗ Thị H là 345.450.000 đồng.

2.4. Bà Đỗ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại gồm: Bà Võ Thị B, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc B, ông Võ Văn H giá trị kỷ phần mỗi người được hưởng là 304.718.400 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Võ Văn H, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B, bà Võ Thị Kim B mỗi người phải nộp 15.235.900 đồng.

3.2. Bà Đỗ Thị H, bà Võ Thị B được miễn nộp tiền án phí.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị B, ông Võ Văn H, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Kim T, bà Võ Thị Ngọc S, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Văn H, bà Võ Thị Ngọc B, bà

Võ Thị Kim B mỗi người phải nộp 800.000 đồng để trả lại cho bà Đỗ Thị H do bà H đã tạm ứng trước đây.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo